

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
THÀNH THÀNH CÔNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34/2023/CBTT-TTCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

- Mã chứng khoán: VNG

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

- Điện thoại liên hệ: 1900 55 88 55 Fax:

- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công công bố thông tin về việc Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2023 đã được kiểm toán (theo file đính kèm)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/08/2023 tại đường dẫn <https://ttchospitality.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Trân trọng.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHAN THỊ HỒNG VÂN

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 62

075
CÔNG
CỔ PHẦN
DU LỊCH
THÀNH
T. T.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 24 được cấp ngày 27 tháng 3 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động; dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; tổ chức sự kiện; đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch, kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch	
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 21 tháng 8 năm 2023
Ông Nguyễn Lê Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 8 năm 2023
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên	
Ông Vũ Việt Bản	Thành viên	
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên độc lập	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Châu Thị Kim Phước	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2023
	Phó Tổng Giám đốc Điều hành	đến ngày 27 tháng 7 năm 2023
Ông Đặng Đình Việt	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2023

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Vân	Chủ tịch
Ông Vũ Việt Bản	Thành viên
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Phan Thị Hồng Vân.

Bà Châu Thị Kim Phước được Bà Phan Thị Hồng Vân ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định số 129/2023/QĐ-CTHĐQT ngày 28 tháng 7 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Châu Thị Kim Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 11950306/E-67384634-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 62, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		34.750.000.000	731.626.926.336
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	51.955.227.022	77.495.955.875
111	1. Tiền		15.355.227.022	26.895.955.875
112	2. Các khoản tương đương tiền		36.600.000.000	50.600.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		12.272.000	272.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		272.000	272.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		12.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		628.841.025.460	630.829.564.317
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	140.840.039.545	37.706.498.409
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	176.620.971.388	244.982.724.583
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	52.220.000.000	72.720.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	264.382.615.835	282.217.200.515
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 8	(5.222.601.308)	(6.796.859.190)
140	IV. Hàng tồn kho	9	8.040.330.150	9.677.314.115
141	1. Hàng tồn kho		8.040.330.150	9.677.314.115
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		42.441.859.537	13.623.820.029
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	3.283.362.338	2.749.524.503
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	39.102.648.993	10.803.322.529
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	55.848.206	70.972.997

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.373.128.638.891	2.115.599.282.562
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		95.639.427.382	100.442.291.652
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	11.556.000.000
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	4.620.893.356
215	3. Phải thu về cho vay dài hạn	7	42.900.000.000	66.300.000.000
216	4. Phải thu dài hạn khác	8	52.739.427.382	17.965.398.296
220	II. Tài sản cố định		880.932.334.915	889.210.163.035
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	682.010.084.677	686.989.634.266
222	Nguyên giá		1.160.229.739.834	1.148.534.297.327
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(478.219.655.157)	(461.544.663.061)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	3.181.750.028	3.426.500.024
225	Nguyên giá		4.895.000.000	4.895.000.000
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.713.249.972)	(1.468.499.976)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	195.740.500.210	198.794.028.745
228	Nguyên giá		237.156.396.799	237.156.396.799
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(41.415.896.589)	(38.362.368.054)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	15	937.906.189.698	610.084.079.016
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		937.906.189.698	610.084.079.016
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	16	420.367.310.484	477.284.247.739
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	16.1	325.808.339.906	317.328.533.788
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.2	99.404.285.850	165.404.285.850
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16.2	(4.845.315.272)	(5.448.571.899)
260	V. Tài sản dài hạn khác		38.283.376.412	38.578.501.120
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	24.913.064.645	24.461.134.212
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	3.590.151.695	3.361.166.925
269	3. Lợi thế thương mại	17	9.780.160.072	10.756.199.983
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.104.419.353.060	2.847.226.208.898

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.987.594.803.174	1.731.511.250.698
310	I. Nợ ngắn hạn		654.909.562.203	596.202.530.039
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	84.170.296.451	53.735.876.251
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	62.345.305.778	66.715.669.964
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	44.733.556.627	55.894.419.036
314	4. Phải trả người lao động		9.787.854.194	1.803.669.241
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	33.251.440.054	31.461.964.404
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	3.843.076.558	1.559.147.560
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	80.286.482.024	74.663.696.674
320	8. Vay ngắn hạn	24	336.207.858.457	309.954.033.609
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.16	283.692.060	414.053.300
330	II. Nợ dài hạn		1.332.685.240.971	1.135.308.720.659
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	22	1.363.652.583	1.444.416.892
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	95.419.800.000	95.763.200.000
338	3. Vay dài hạn	24	1.206.932.275.126	1.008.959.005.785
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.3	28.969.513.262	29.142.097.982
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.116.824.549.886	1.115.714.958.200
410	I. Vốn chủ sở hữu	25.1	1.116.824.549.886	1.115.714.958.200
411	1. Vốn cổ phần		972.766.080.000	972.766.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		972.766.080.000	972.766.080.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		106.459.866.414	106.459.866.414
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		18.567.770.000	18.567.770.000
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		69.865.775	69.865.775
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		6.749.515.451	6.749.515.451
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.367.003.263	1.367.003.263
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.575.812.405	7.326.202.593
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		7.326.202.593	4.712.651.421
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.249.609.812	2.613.551.172
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.268.636.578	2.408.654.704
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.104.419.353.060	2.847.226.208.898

Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập

Bùi Tân Khải
Kế toán trưởng

Châu Thị Kim Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	306.318.606.829	248.156.481.714
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	306.318.606.829	248.156.481.714
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(214.824.686.432)	(168.939.652.883)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		91.493.920.397	79.216.828.831
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	46.285.123.268	54.782.744.003
22	7. Chi phí tài chính	28	(77.680.315.261)	(71.744.323.331)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(73.739.782.862)	(55.579.904.336)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	16.1	8.479.806.118	2.033.038.894
25	9. Chi phí bán hàng	29	(15.847.799.167)	(13.953.548.597)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(42.649.727.720)	(42.385.792.030)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.081.007.635	7.948.947.770
31	12. Thu nhập khác	30	928.736.604	245.355.777
32	13. Chi phí khác	30	(2.150.888.140)	(2.472.464.670)
40	14. Lỗ khác	30	(1.222.151.536)	(2.227.108.893)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.858.856.099	5.721.838.877
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(8.150.833.903)	(4.146.906.400)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.3	401.569.490	575.927.503
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.109.591.686	2.150.859.980
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		1.249.609.812	1.129.094.032
62	20. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(140.018.126)	1.021.765.948

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	25.4	13	12
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	25.4	13	12

Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập

Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng



Châu Thị Kim Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.858.856.099	5.721.838.877
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12, 13, 17	21.294.333.303	21.080.663.260
03	(Hoàn nhập dự phòng) các khoản dự phòng		(2.177.514.509)	8.708.014.629
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(54.762.098.759)	(58.531.222.767)
06	Chi phí lãi vay	28	73.739.782.862	55.579.904.336
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		46.953.358.996	32.559.198.335
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		43.445.745.783	(112.857.486.123)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.636.983.965	(1.422.820.497)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(66.838.697.590)	163.726.986.008
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(985.768.268)	4.584.777.036
14	Tiền lãi vay đã trả		(69.224.104.028)	(66.877.328.878)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(7.494.662.818)	(1.204.903.911)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(88.141.250)	(7.473.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(52.595.285.210)	18.500.948.970
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(247.372.839.683)	(251.099.573.585)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		1.294.295.657	6.033.547.216
23	Tiền chi cho vay		(9.900.000.000)	(35.200.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		53.788.000.000	856.474.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(35.456.180.850)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.432.047.290	9.622.204.169
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(196.758.496.736)	(305.243.529.050)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	24	576.223.122.911	1.027.286.502.630
34	Tiền trả nợ gốc vay	24	(351.996.028.722)	(616.074.244.684)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		224.227.094.189	411.212.257.946
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(25.540.728.853)	124.469.677.866
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		77.495.955.875	15.194.244.590
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	51.955.227.022	139.663.922.456

Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập

Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng



Châu Thị Kim Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 24 được cấp ngày 27 tháng 3 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động; dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; tổ chức sự kiện; đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài; buôn bán thực phẩm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 1.100 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 920 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 10 công ty con và 7 công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết tại	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết tại
				ngày 30 tháng 6 năm 2023 (%)	ngày 31 tháng 12 năm 2022 (%)
A Công ty con					
I Công ty con trực tiếp					
1	Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt	Lâm Đồng	Dịch vụ lưu trú	100,00	100,00
2	Công ty TNHH Du lịch TTC	Khánh Hòa	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	100,00	100,00
3	Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Lâm Đồng	Dịch vụ giải trí và lưu trú	100,00	100,00
4	Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan	Lâm Đồng	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	100,00	100,00
5	Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Hồ Chí Minh	Dịch vụ lữ hành	100,00	100,00
6	Công ty TNHH TTC Huế	Thừa Thiên Huế	Dịch vụ lưu trú	100,00	100,00
II Công ty con gián tiếp					
1	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoa Ngọc Lan (*)	Hoa Kỳ	Thương mại, dịch vụ	100,00	100,00
2	Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Bình Thuận	Dịch vụ lưu trú	95,69	95,69
3	Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Hồ Chí Minh	Dịch vụ nhà hàng	91,41	91,41
4	Công ty TNHH BVB Bình Thuận	Bình Thuận	Tư vấn pháp lý	100,00	100,00
B Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Campuchia	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	49,00	49,00
2	Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Bến Tre	Dịch vụ nhà hàng	42,25	42,25
3	Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Ninh Thuận	Dịch vụ lưu trú	20,06	20,06
4	Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Lâm Đồng	Bất động sản	32,14	32,14
5	Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Bình Thuận	Dịch vụ giải trí và nhà hàng	48,66	48,66
6	Công ty Cổ phần Năng lượng Sạch Ninh Thuận	Ninh Thuận	Năng lượng mặt trời	44,43	44,43
7	Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	42,17	42,17

(*) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoa Ngọc Lan đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục giải thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
công cụ, dụng cụ

Thành phẩm và chi phí sản xuất, - giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng phương
kinh doanh dở dang pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản cố định thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ khi Nhóm Công ty nhận được Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	39 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Tài sản khác	6 - 25 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm
--------------------------	------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Tiền thuê trả trước;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định; và
- ▶ Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ công ty mẹ-công ty con (ngoại trừ lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh liên quan đến các doanh nghiệp cùng dưới một sự kiểm soát chung) được phân bổ vào chi phí trong thời gian 10 năm.
- ▶ Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận vào ngày 10 tháng 9 năm 2018 trong thời hạn 33 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các khoản mục tài sản và nợ phải trả của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong kỳ kế toán, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong kỳ thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá, nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ở khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

▶ *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, giải trí và hoạt động kinh doanh khác

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, phí dịch vụ giặt ủi và các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao và dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú, ăn uống và vui chơi giải trí. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	556.202.830	2.403.295.667
Tiền gửi ngân hàng	14.428.156.855	24.240.473.030
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	36.600.000.000	50.600.000.000
Tiền đang chuyển	370.867.337	252.187.178
TỔNG CỘNG	51.955.227.022	77.495.955.875

(*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3% đến 3,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3% đến 3,5%/năm).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, toàn bộ các khoản tiền gửi này đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay từ các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu từ các bên khác	123.477.600.015	16.993.928.874
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản TTC Land Long An</i>	105.600.000.000	-
<i>Các khách hàng khác</i>	17.823.300.015	16.993.928.874
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 33</i>)	17.416.739.530	20.712.569.535
TỔNG CỘNG	140.840.039.545	37.706.498.409
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.129.695.739)	(2.198.175.672)
GIÁ TRỊ THUẦN	139.710.343.806	35.508.322.737

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	2.198.175.672	3.838.171.007
Dự phòng trích lập trong kỳ	505.777.949	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.574.257.882)	-
Số cuối kỳ	1.129.695.739	3.838.171.007

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho các bên khác	152.605.695.899	244.302.911.733
<i>Công ty Cổ phần Khách sạn Hoàng Cung</i>	69.000.000.000	68.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần và Kết cấu Thép Đại Tín</i>	48.190.923.295	130.298.823.243
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát</i>	10.211.011.043	10.211.011.043
<i>Các khoản trả trước khác</i>	25.203.761.561	35.793.077.447
Trả trước cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 33</i>)	24.015.275.489	679.812.850
TỔNG CỘNG	176.620.971.388	244.982.724.583
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(1.865.578.000)	(1.999.893.460)
GIÁ TRỊ THUẦN	174.755.393.388	242.982.831.123

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	1.999.893.460	1.294.234.960
Xóa sổ dự phòng trong kỳ	(134.315.460)	-
Số cuối kỳ	1.865.578.000	1.294.234.960

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	52.220.000.000	72.720.000.000
Các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	35.720.000.000	56.220.000.000
Bà Triệu Phi Yến (i)	16.500.000.000	16.500.000.000
Dài hạn	42.900.000.000	66.300.000.000
Các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	42.900.000.000	66.300.000.000
TỔNG CỘNG	<u>95.120.000.000</u>	<u>139.020.000.000</u>

(i) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo được trình bày như sau:

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
	VND		
Bà Triệu Phi Yến	16.500.000.000	Từ ngày 6 tháng 5 năm 2024 đến ngày 8 tháng 5 năm 2024	10,6

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	264.382.615.835	282.217.200.515
Các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	96.235.781.266	13.999.437.315
Ký quỹ	81.114.657.000	184.484.143.200
Tạm ứng cho nhân viên	52.258.369.437	51.339.348.406
Lãi tiền gửi, tiền cho vay phải thu	6.443.995.087	4.779.708.640
Khác	28.329.813.045	27.614.562.954
Dài hạn	52.739.427.382	17.965.398.296
Các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	34.750.000.000	-
Ký quỹ	17.989.427.382	17.965.398.296
TỔNG CỘNG	<u>317.122.043.217</u>	<u>300.182.598.811</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	<u>(2.227.327.569)</u>	<u>(2.598.790.058)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>314.894.715.648</u>	<u>297.583.808.753</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
		VND
Số đầu kỳ	2.598.790.058	2.598.790.058
Dự phòng trích lập trong kỳ	38.360.000	-
Xóa sổ dự phòng trong kỳ	(409.822.489)	-
Số cuối kỳ	<u>2.227.327.569</u>	<u>2.598.790.058</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
		VND
Nguyên vật liệu	5.005.136.108	5.697.245.347
Hàng hóa	1.713.121.703	2.540.275.882
Công cụ, dụng cụ	826.530.687	919.856.396
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	480.903.853	497.551.162
Thành phẩm	14.637.799	22.385.328
TỔNG CỘNG	<u>8.040.330.150</u>	<u>9.677.314.115</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
		VND
Ngắn hạn	3.283.362.338	2.749.524.503
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.382.109.212	1.438.050.232
Chi phí sửa chữa	907.094.676	524.285.812
Chi phí bảo hiểm	473.318.138	218.417.270
Chi phí thuê đất	207.815.049	104.613.300
Khác	313.025.263	464.157.889
Dài hạn	24.913.064.645	24.461.134.212
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.135.054.801	8.597.378.131
Chi phí sửa chữa	5.844.603.776	4.097.500.427
Lợi thế thương mại phát sinh từ sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Bình Thuận	4.315.511.862	5.178.614.232
Chi phí thuê đất trả trước	3.406.613.751	3.469.285.335
Chi phí hợp tác kinh doanh	-	2.000.000.000
Khác	211.280.455	1.118.356.087
TỔNG CỘNG	<u>28.196.426.983</u>	<u>27.210.658.715</u>

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	934.425.722.364	138.956.951.609	47.733.792.581	6.652.754.203	20.765.076.570	1.148.534.297.327
Mua trong kỳ	1.179.306.462	662.768.733	-	-	-	1.842.075.195
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	11.492.685.734	-	-	-	-	11.492.685.734
Thanh lý	-	(1.639.318.422)	-	-	-	(1.639.318.422)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	947.097.714.560	137.980.401.920	47.733.792.581	6.652.754.203	20.765.076.570	1.160.229.739.834
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	28.351.673.990	51.627.789.074	2.606.546.042	2.362.155.261	7.139.380.471	92.087.544.838
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	311.235.184.881	99.969.639.274	28.841.107.652	5.545.851.281	15.952.879.973	461.544.663.061
Khấu hao trong kỳ	11.154.432.045	2.204.757.100	1.895.335.486	185.572.936	1.579.917.294	17.020.014.861
Thanh lý	-	(345.022.765)	-	-	-	(345.022.765)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	322.389.616.926	101.829.373.609	30.736.443.138	5.731.424.217	17.532.797.267	478.219.655.157
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	623.190.537.483	38.987.312.335	18.892.684.929	1.106.902.922	4.812.196.597	686.989.634.266
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	624.708.097.634	36.151.028.311	16.997.349.443	921.329.986	3.232.279.303	682.010.084.677
Trong đó:						
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 24)	343.287.708.660	5.858.883.621	2.436.184.490	-	-	351.582.776.771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND
	<i>Phương tiện vận tải</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>4.895.000.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.468.499.976
Khấu hao trong kỳ	<u>244.749.996</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>1.713.249.972</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>3.426.500.024</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>3.181.750.028</u>

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	230.873.425.062	5.504.662.742	778.308.995	237.156.396.799
<i>Trong đó:</i>				
Đã hao mòn hết	1.098.000.000	1.344.257.000	-	2.442.257.000
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 Hao mòn trong kỳ	34.993.058.443 2.875.738.019	2.885.244.908 158.743.769	484.064.703 19.046.747	38.362.368.054 3.053.528.535
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	37.868.796.462	3.043.988.677	503.111.450	41.415.896.589
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	195.880.366.619	2.619.417.834	294.244.292	198.794.028.745
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	193.004.628.600	2.460.674.065	275.197.545	195.740.500.210
<i>Trong đó:</i>				
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 24)	53.818.110.394	7.664.516	-	53.825.774.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 23.707.801.506 VND (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 6.842.269.159 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay trực tiếp nhằm tài trợ cho chủ yếu liên quan đến việc xây dựng các công trình phục vụ hoạt động của Nhóm Công ty.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dự án Khu du lịch Dốc Lết	626.745.277.818	318.629.779.329
Dự án sáp nhập Khu du lịch Trung lũng tình yêu – Đồi Mộng Mơ – Đồi Thống Nhất	259.588.173.584	244.697.331.544
Dự án Resort TTC Kê Gà	35.216.455.592	35.216.455.592
Khác	16.356.282.704	11.540.512.551
TỔNG CỘNG	<u>937.906.189.698</u>	<u>610.084.079.016</u>

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 16.1)	325.808.339.906	317.328.533.788
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 16.2)	99.404.285.850	165.404.285.850
TỔNG CỘNG	<u>425.212.625.756</u>	<u>482.732.819.638</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(4.845.315.272)</u>	<u>(5.448.571.899)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>420.367.310.484</u>	<u>477.284.247.739</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty liên kết	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
			Giá trị ghi sổ VND	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	% sở hữu
Công ty Cổ phần Năng Lượng Sạch Ninh Thuận ("Năng Lượng Sạch")	Đang hoạt động	Năng lượng mặt trời	108.021.648.149	44,43	108.106.244.712	44,43
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam ("Thành Thành Nam")	Đang hoạt động	Kinh doanh bất động sản	82.928.628.465	42,17	74.381.817.563	42,17
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú ("Công ty Tà Cú")	Đang hoạt động	Dịch vụ lữ hành	74.198.687.839	48,70	72.157.568.578	48,70
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre ("Bến Tre")	Đang hoạt động	Nhà hàng	42.004.914.729	42,25	41.574.072.832	42,25
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor ("Vinagolf Angkor")	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	11.728.688.293	49,00	12.817.202.398	49,00
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng ("Lâm Công Nghiệp")	Đang hoạt động	Kinh doanh bất động sản	5.679.577.375	32,14	5.293.044.951	32,14
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận ("Đồng Thuận")	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú	1.246.195.056	20,06	2.998.582.754	20,06
TỔNG CỘNG			325.808.339.906		317.328.533.788	

Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau (tiếp theo):

	Vinagolf Angkor	Bến Tre	Đồng Thuận	Lâm Công Nghiệp	Tà Cú	Năng Lượng Sạch	Thành Thành Nam	Tổng cộng
Giá gốc đầu tư:								VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	24.772.623.055	43.270.650.530	9.852.071.559	5.016.947.142	77.926.351.852	110.998.205.000	70.661.300.000	342.498.149.138
Phản lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua công ty liên kết:								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(11.955.420.657)	(1.696.577.698)	(6.853.488.805)	276.097.809	(5.768.783.274)	(2.891.960.288)	3.720.517.563	(25.169.615.350)
Phản lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết	(1.088.514.105)	430.841.897	(1.057.917.668)	386.532.424	2.041.119.261	(84.596.563)	8.546.810.902	9.174.276.148
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	(13.043.934.762)	(1.265.735.801)	(7.911.406.473)	662.630.233	(3.727.664.013)	(2.976.556.851)	12.267.328.465	(15.995.339.202)
Giá trị còn lại								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	12.817.202.398	41.574.072.832	2.998.582.754	5.293.044.951	72.157.568.578	108.106.244.712	74.381.817.563	317.328.533.788
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	11.728.688.293	42.004.914.729	1.940.665.086	5.679.577.375	74.198.687.839	108.021.648.149	82.928.628.465	326.502.809.936



Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023			Ngày 31 tháng 12 năm 2022		
			Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng	% sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Sơn Nhất	Đang hoạt động	Kinh doanh bất động sản	62.620.000.000	-	9,92	62.620.000.000	-	9,92
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	Đang hoạt động	Năng lượng	35.456.180.850	(4.845.315.272)	5,7	35.456.180.850	(5.448.571.899)	5,7
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Đang hoạt động	Dịch vụ du lịch	1.206.295.000	-	1,17	1.206.295.000	-	1,17
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn	Đang hoạt động	Kinh doanh đồ uống	121.810.000	-	0,2	121.810.000	-	0,2
Nam Trung Bộ	Đang hoạt động	Dịch vụ ăn uống	-	-	-	66.000.000.000	-	1,1
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân (*)								
TỔNG CỘNG			99.404.285.850	(4.845.315.272)		165.404.285.850	(5.448.571.899)	

(*) Trong kỳ, Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng, một công ty con của Nhóm Công ty, đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ 2.200.000 cổ phần, tương đương 1,1% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân cho một bên thứ ba với tổng giá phí chuyển nhượng là 105.600.000.000 VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ với tổng giá trị là 39.600.000.000 VND.

Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023 18.998.310.977

Giá trị phân bổ lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 8.242.110.994

Phân bổ trong kỳ 976.039.911

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 9.218.150.905

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 10.756.199.983

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 9.780.160.072

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả cho người bán	68.992.571.399	39.809.117.481
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu</i>		
<i>Thép Đại Tín</i>	10.628.198.568	-
<i>Khác</i>	58.364.372.831	39.809.117.481
Phải trả cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 33</i>)	15.177.725.052	13.926.758.770
TỔNG CỘNG	<u>84.170.296.451</u>	<u>53.735.876.251</u>

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 33</i>)	34.030.346.000	33.572.794.000
Các bên khác	28.314.959.778	33.142.875.964
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình</i>	12.238.000.000	15.000.000.000
<i>Khác</i>	16.076.959.778	18.142.875.964
TỔNG CỘNG	<u>62.345.305.778</u>	<u>66.715.669.964</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	21.515.128.952	39.550.214.841	(45.384.537.595)	15.680.806.198
Thuế nhà đất	20.613.137.255	12.790.507.254	(19.650.146.099)	13.753.498.410
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.972.004.689	8.150.833.903	(7.494.662.818)	13.628.175.774
Thuế thu nhập cá nhân	678.010.510	2.924.704.710	(2.080.655.919)	1.522.059.301
Thuế tiêu thụ đặc biệt	40.001.067	151.767.608	(165.396.176)	26.372.499
Thuế tài nguyên	1.131.278	-	-	1.131.278
Thuế khác	75.005.285	633.043.692	(586.535.810)	121.513.167
TỔNG CỘNG	<u>55.894.419.036</u>	<u>64.201.072.008</u>	<u>(75.361.934.417)</u>	<u>44.733.556.627</u>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	10.803.322.529	48.583.637.227	(20.284.310.763)	39.102.648.993
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.646.377	-	-	6.646.377
Thuế thu nhập cá nhân	14.506.773	-	(8.729.194)	5.777.579
Thuế khác	49.819.847	100.040	(6.495.637)	43.424.250
TỔNG CỘNG	<u>10.874.295.526</u>	<u>48.583.737.267</u>	<u>(20.299.535.594)</u>	<u>39.158.497.199</u>

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trích trước chi phí công trình	10.650.873.454	14.598.292.630
Chi phí lãi vay	10.465.436.625	8.935.873.677
Thù lao HĐQT, lương tháng 13 và thưởng	5.017.661.770	3.340.354.186
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	2.509.655.704	914.674.345
Khác	4.607.812.501	3.672.769.566
TỔNG CỘNG	<u>33.251.440.054</u>	<u>31.461.964.404</u>

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Đây là các khoản tiền nhận trước từ khách hàng liên quan tới việc cung cấp dịch vụ lưu trú của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	80.286.482.024	74.663.696.674
Chi phí hợp tác kinh doanh (i)	36.399.299.140	35.091.398.522
Chi phí lãi vay	16.238.650.837	13.252.534.951
Các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	8.189.124.531	7.309.964.380
Nhận ký quỹ	7.478.417.108	7.305.785.258
Phí phục vụ	5.285.138.580	4.559.121.631
Khác	6.695.851.828	7.144.891.932
Dài hạn	95.419.800.000	95.763.200.000
Phải trả theo Thỏa thuận Hợp tác (ii)	46.350.000.000	46.350.000.000
Chi phí hợp tác kinh doanh (iii)	46.000.000.000	46.000.000.000
Nhận ký quỹ	3.069.800.000	3.413.200.000
TỔNG CỘNG	175.706.282.024	170.426.896.674

(i) Đây là chi phí hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 01/2022/HĐHTKD/TTCHUE-DAITIN ký với Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín ngày 20 tháng 6 năm 2022 để cùng sửa chữa Khách sạn Hoàng Cung tại Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

(ii) Đây là góp vốn nhận từ Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình theo Thỏa thuận Hợp tác Góp vốn Đầu tư Số 261/2022/HĐHTKD/TTC-TB ký ngày 1 tháng 12 năm 2022 để đầu tư và phát triển kinh doanh dự án Khách sạn TTC Cần Thơ và TTC Đà Lạt. Theo đó, các bên được chia sẻ lợi nhuận theo từng kỳ phân chia, dựa theo hiệu quả hoạt động kinh doanh và thỏa thuận thống nhất giữa các bên.

(iii) Đây là khoản vốn góp nhận từ Bà Tạ Thị Phương Trang theo Thỏa thuận Hợp tác góp vốn đầu tư số 111A/2022/HĐHTKD/TTCLD-CN ký ngày 1 tháng 12 năm 2022 về việc tham gia góp vốn đầu tư vào Khu du lịch Đồi Mộng Mơ và Khu du lịch Thung lũng Tình yêu mà Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng là Chủ đầu tư. Theo đó, bà Tạ Thị Phương Trang được chia sẻ lợi nhuận theo từng kỳ phân chia, dựa theo tiến độ thực hiện dự án và thỏa thuận thống nhất giữa các bên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty đã nhận được vốn góp với tổng giá trị là 46.000.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Phân loại lại	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Vay ngắn hạn	309.954.033.609	300.948.126.710	(316.028.141.016)	41.333.839.154	336.207.858.457
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 24.1)	249.992.375.469	285.948.126.710	(276.198.048.345)	-	259.742.453.834
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	-	15.000.000.000	(10.600.000.000)	-	4.400.000.000
Vay các bên khác (Thuyết minh số 24.2)	7.078.104.808	-	-	-	7.078.104.808
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 24.3)	51.433.553.332	-	(29.230.092.671)	39.814.671.443	62.018.132.104
Vay dài hạn các bên khác đến hạn trả (Thuyết minh số 24.4)	1.450.000.000	-	-	1.519.167.711	2.969.167.711
Vay dài hạn	1.008.959.005.785	275.274.996.201	(35.967.887.706)	(41.333.839.154)	1.206.932.275.126
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 24.3)	415.670.591.626	237.293.999.226	-	(39.814.671.443)	613.149.919.409
Vay các bên khác (Thuyết minh số 24.4)	98.528.710.965	33.570.289.217	(29.667.887.706)	(1.519.167.711)	100.911.944.765
Trái phiếu (Thuyết minh số 24.5)	494.759.703.194	4.410.707.758	(6.300.000.000)	-	492.870.410.952
TỔNG CỘNG	1.318.913.039.394	576.223.122.911	(351.996.028.722)	-	1.543.140.133.583

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 4, 11 và 13)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk					
Khoản vay 1	69.995.968.603	Từ ngày 20 tháng 8 năm 2023 đến ngày 28 tháng 12 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	9,5 - 12,2	Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú; Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ Phần Toàn Hải Vân và 3 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (“TTCI”) thuộc sở hữu của bà Huỳnh Bích Ngọc.
Khoản vay 2	15.496.795.855	Từ ngày 23 tháng 2 năm 2024 đến ngày 23 tháng 6 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	9,5 - 12,7	Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc của Công ty TNHH Du lịch TTC (“DL TTC”)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	39.938.086.941	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2023 đến ngày 30 tháng 12 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	8,5 – 9	Quyền sử dụng đất và các tài sản liên quan khác thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh
Khoản vay 2	22.693.031.569	Từ ngày 13 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	8,5 – 9	Quyền sử dụng đất và các tài sản liên quan khác thuộc sở hữu của Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng (“TTC LD”)

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 4, 11 và 13)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình					
Khoản vay 1	50.000.000.000	Từ ngày 5 tháng 2 năm 2024 đến ngày 15 tháng 6 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	9,5 - 12,7	Quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận; 7.000.000 cổ phiếu tự do chuyển nhượng do TTCI phát hành thuộc sở hữu của ông Đặng Văn Thành; các khoản tiền gửi có kỳ hạn của TTC LD và 1.900.000 cổ phiếu tự do chuyển nhượng do Công ty Cổ phần Điện Gia Lai phát hành thuộc sở hữu của TTCI.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định					
Khoản vay 1	29.800.000.000	Từ ngày 7 tháng 8 năm 2023 đến ngày 10 tháng 11 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	8,2 – 9,1	Phương tiện vận tải của Công ty, DL TTC và Công ty Cổ phần Du Lịch Núi Tà Cú và các khoản tiền gửi có kỳ hạn.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận					
Khoản vay 1	24.985.322.778	Từ ngày 16 tháng 2 năm 2024 đến ngày 19 tháng 5 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	8,5 - 9,6	Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc của DL TTC
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi					
Khoản vay 1	4.858.375.476	Ngày 14 tháng 9 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	9,8	Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc của DL TTC
Khoản vay 2	1.974.872.612	Ngày 14 tháng 9 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	12,0	Tín chấp
TỔNG CỘNG	259.742.453.834				

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay ngắn hạn từ các bên khác

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín					
Khoản vay 1	<u>7.078.104.808</u>	Ngày 30 tháng 9 năm 2023	Tài trợ vốn lưu động	9,5	Tin chấp

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 4, 11 và 13)
-----------	--------------------------	----------------	----------	------------------	--

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk

Khoản vay 1	404.027.598.257	Từ ngày 15 tháng 5 năm 2024 đến ngày 23 tháng 6 năm 2036	Tài trợ Dự án Dốc Lét	11,7 – 15,9	Dự án Dốc Lét - Giai đoạn 1
Khoản vay 2	13.188.819.356	Từ ngày 22 tháng 4 năm 2024 đến ngày 29 tháng 10 năm 2025	Sửa chữa Khách sạn Càn Thơ, Nhà hàng nướng	8,5%	Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú; Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân và 3 triệu cổ phiếu TTCI thuộc sở hữu của bà Huỳnh Bích Ngọc

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh

Khoản vay 1	100.863.080.448	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2023 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	Thực hiện dự án gói vé 250k, mua khách sạn Hội An, hoàn vốn xây dựng cơ bản Khách sạn Ngọc Lan, đầu tư Khu du lịch Thung Lũng Tình Yêu	12,5	Quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận; 7.000.000 cổ phiếu tự do chuyển nhượng do TTCI phát hành thuộc sở hữu của ông Đặng Văn Thành; tiền gửi có kỳ hạn của TTC LD bà 1.900.000 cổ phiếu tự do chuyển nhượng do Công ty Cổ phần Điện Gia Lai phát hành thuộc sở hữu của TTCI.
-------------	-----------------	---	--	------	--

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình

Khoản vay 1	108.000.000.000	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2023 đến ngày 27 tháng 6 năm 2032	Mua tài sản	11,8 – 14,9	
Khoản vay 2	31.081.302.443	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2023 đến ngày 27 tháng 1 năm 2029	Sửa chữa và duy trì Thung lũng Tình Yêu, Đồi Mộng Mơ	11,8 – 14,9	

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 11 và 13)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận					
Khoản vay 1	17.949.851.009	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Tài trợ dự án TTC Palace Bình Thuận	9,3	Quyền sở hữu công trình trên đất và máy móc thiết bị thuộc sở hữu của DL TTC

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình

Khoản vay 1	57.400.000	Ngày 17 tháng 12 năm 2024	Mua tài sản	10,7	Phương tiện vận tải
-------------	------------	---------------------------	-------------	------	---------------------

TỔNG CỘNG 675.168.051.513

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	62.018.132.104
Vay dài hạn	613.149.919.409

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn các bên khác

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các bên khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
Nhân viên của Nhóm Công ty					
Khoản vay 1	103.881.112.476	Từ ngày 7 tháng 1 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024	Tài trợ vốn lưu động	12	Tín chấp
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	2.969.167.711				
Vay dài hạn	100.911.944.765				

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.5 Trái phiếu doanh nghiệp

Chi tiết khoản trái phiếu phát hành theo mệnh giá như sau:

Tổ chức sắp xếp phát hành	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích phát hành	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 11)
	VND				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam					
Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	Ngày 4 tháng 1 năm 2025	Trả nợ vay, cấp khoản vay cho công ty con, công ty liên kết	15,78	Bất động sản và động sản, quyền tài sản của Công ty, DL TTC, Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận, Bến Tre, phần vốn góp tại DL TTC; và quyền tài sản Trung lượng tinh yêu
Chi phí phát hành trái phiếu	(7.129.589.048)				
TỔNG CỘNG	492.870.410.952				
Trong đó:					
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	-				
Trái phiếu dài hạn	492.870.410.952				



Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu tỷ giá hối đoái	Chênh lệch	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
	VND								
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022									
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	972.766.080.000	106.459.866.414	18.567.770.000	(33.948.238)	6.749.515.451	1.367.003.263	4.712.651.421	1.760.166.609	1.112.349.104.920
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	1.129.094.032	1.021.765.948	2.150.859.980
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	69.227.714	-	-	-	-	69.227.714
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	972.766.080.000	106.459.866.414	18.567.770.000	35.279.476	6.749.515.451	1.367.003.263	5.841.745.453	2.781.932.557	1.114.569.192.614
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023									
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	972.766.080.000	106.459.866.414	18.567.770.000	69.865.775	6.749.515.451	1.367.003.263	7.326.202.593	2.408.654.704	1.115.714.958.200
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	1.249.609.812	(140.018.126)	1.109.591.686
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	972.766.080.000	106.459.866.414	18.567.770.000	69.865.775	6.749.515.451	1.367.003.263	8.575.812.405	2.268.636.578	1.116.824.549.886

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Vốn cổ phần đã phát hành		
Vào ngày 1 tháng 1 và ngày 30 tháng 6	972.766.080.000	972.766.080.000
Cổ tức đã trả	-	-

25.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (cổ phiếu)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	97.276.608	97.276.608
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	97.276.608	97.276.608
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	97.276.608	97.276.608
Cổ phiếu đang lưu hành	97.276.608	97.276.608
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	97.276.608	97.276.608

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	1.249.609.812	1.129.094.032
Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	1.249.609.812	1.129.094.032
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	97.276.608	97.276.608
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	13	12

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Tổng doanh thu	306.318.606.829	248.156.481.714
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ</i>	<i>293.812.294.214</i>	<i>237.961.794.991</i>
<i>Doanh thu thuần về bán hàng</i>	<i>10.593.107.171</i>	<i>7.112.868.543</i>
<i>Doanh thu thuần về cho thuê hoạt động</i>	<i>81.818.180</i>	<i>81.818.180</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>1.831.387.264</i>	<i>3.000.000.000</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần đối với các bên khác</i>	<i>288.296.823.160</i>	<i>232.787.241.448</i>
<i>Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	<i>18.021.783.669</i>	<i>15.369.240.266</i>

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	39.600.000.000	44.356.337.460
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.682.292.641	10.426.072.805
Khác	2.830.627	333.738
TỔNG CỘNG	46.285.123.268	54.782.744.003

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Giá vốn dịch vụ cung cấp	205.385.743.019	160.732.142.365
Giá vốn hàng bán	9.204.529.802	8.207.510.518
Khác	234.413.611	-
TỔNG CỘNG	214.824.686.432	168.939.652.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí lãi vay	73.739.782.862	55.579.904.336
Chi phí phát hành trái phiếu (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	4.541.529.678	4.466.255.707
Phí tư vấn thanh lý các khoản đầu tư	(603.256.627)	8.708.014.629
Chi phí khác	2.259.348	2.940.000.000
TỔNG CỘNG	77.680.315.261	71.744.323.331

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí bán hàng	15.847.799.167	13.953.548.597
Chi phí nhân viên	5.867.745.154	7.087.278.886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.710.618.222	3.238.129.354
Chi phí khấu hao và hao mòn	73.963.476	45.977.318
Chi phí khác	4.195.472.315	3.582.163.039
Chi phí quản lý doanh nghiệp	42.649.727.720	42.385.792.030
Chi phí nhân viên	29.227.251.897	26.124.096.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.289.225.824	7.535.090.510
Chi phí khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	3.012.282.321	2.937.308.674
Chi phí khác	5.120.967.678	5.789.296.437
TỔNG CỘNG	58.497.526.887	56.339.340.627

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
		VND
Thu nhập khác	928.736.604	245.355.777
Bồi thường thanh lý hợp đồng	500.000.000	-
Khác	428.736.604	245.355.777
Chi phí khác	2.150.888.140	2.472.464.670
Các khoản phạt	1.845.988.015	687.899.495
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	1.715.773.608
Khác	304.900.125	68.791.567
LỖ KHÁC THUẦN	<u>(1.222.151.536)</u>	<u>(2.227.108.893)</u>

31. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
		VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.099.346.573	70.464.466.624
Chi phí nhân viên	79.014.866.048	72.877.825.869
Chi phí nguyên vật liệu	54.448.750.734	45.109.737.943
Chi phí khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) (Thuyết minh số 11, 12, 13 và 17)	21.294.333.303	21.080.663.260
Chi phí khác	19.464.916.661	15.746.299.814
TỔNG CỘNG	<u>273.322.213.319</u>	<u>225.278.993.510</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.150.833.903	4.146.906.400
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(401.569.490)	(575.927.503)
TỔNG CỘNG	<u>7.749.264.413</u>	<u>3.570.978.897</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>8.858.856.099</u>	<u>5.721.838.877</u>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	4.503.174.884	1.582.028.441
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí lãi vay không được trừ	3.746.550.566	1.328.319.395
Chi phí không được trừ	980.024.382	3.144.266.258
Thuế hoãn lại chưa ghi nhận đối với lỗ chuyển sang các năm sau	269.489.739	213.138.221
Chênh lệch tạm thời từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn chưa ghi nhận thuế hoãn lại	217.702.821	1.949.540.877
Chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	8.747.556	22.112.661
Lỗ năm trước chuyển sang	(280.464.311)	(5.687.145.685)
Phần lãi từ công ty liên kết	(1.695.961.224)	(406.607.779)
Khác	-	1.425.326.508
Chi phí thuế TNDN	<u>7.749.264.413</u>	<u>3.570.978.897</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

32.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ hiện hành và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
VND				
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	2.615.430.997	2.615.430.997	-	-
Chi phí phải trả	787.745.356	558.760.586	228.984.770	-
Khác	186.975.342	186.975.342	-	403.342.783
	3.590.151.695	3.361.166.925	228.984.770	403.342.783
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch giá trị hợp lý trong hợp nhất kinh doanh	25.652.742.218	25.825.326.938	(172.584.720)	(172.584.720)
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	4.993.230.410	4.993.230.410	-	-
Khác	(1.676.459.366)	(1.676.459.366)	-	-
	28.969.513.262	29.142.097.982	(172.584.720)	(172.584.720)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(25.379.361.567)	(25.780.931.057)		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			401.569.490	575.927.503

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.4 Lỗi chuyển sang từ các kỳ trước

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 22.561.923.678 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 22.556.544.918 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2023	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023
2014	2019	20.690.261.330	-	(20.690.261.330)	-
2015	2020	15.388.686.556	(2.773.127.496)	(12.615.559.060)	-
2016	2021	14.903.768.088	-	(14.903.768.088)	-
2017	2022	18.064.543.734	(18.064.543.734)	-	-
2018	2023	25.141.594.078	(21.174.665.558)	-	3.966.928.520
2019	2024	20.706.669.861	(16.742.337.424)	-	3.964.332.437
2020	2025	2.510.994.187	-	-	2.510.994.187
2021	2026	14.405.868.564	(12.505.606.831)	-	1.900.261.733
2022	2027	2.262.973.062	-	-	2.262.973.062
Sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	2028	1.347.448.697	-	-	1.347.448.697
TỔNG CỘNG		135.422.808.157	(71.260.281.043)	(48.209.588.478)	15.952.938.636

Lỗ tính thuế ước tính theo các tờ khai thuế của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho lỗi chuyển sang các năm sau do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

32.5 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của kỳ sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	VND		
			Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/6/2023	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 30/6/2023	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/6/2023
2021	2026 (i)	5.965.102.085	-	-	5.965.102.085
2022	2027 (i)	29.000.442.258	-	-	29.000.442.258
Sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	2028 (i)	18.732.752.828	-	-	18.732.752.828
TỔNG CỘNG		53.698.297.171	-	-	53.698.297.171

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Nhóm Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ Phần Thành Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng Sạch Ninh Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh ("Công ty Đặng Huỳnh")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Chè Ngọc Bảo	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Cùng cổ đông lớn
Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch HĐQT
Bà Châu Thị Kim Phước	Tổng Giám đốc từ ngày 28 tháng 7 năm 2023
Ông Đặng Đình Việt	Tổng Giám đốc đến ngày 6 tháng 2 năm 2023
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Viết Bản	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 26 tháng 4 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Mua dịch vụ	8.898.782.453	7.000.006
	Bán hàng	6.424.918.250	2.879.542.406
	Lãi cho vay	655.742.466	853.297.808
	Cung cấp dịch vụ	54.363.633	26.528.362
	Phí khác	5.130.909	-
	Dịch vụ khác	-	35.083.334
	Lãi vay	-	3.082.438.553
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Mua dịch vụ	5.525.247.462	6.285.388.428
	Lãi cho vay	4.164.005.919	4.450.720.162
	Chi phí hợp tác kinh doanh	1.641.329.286	2.158.781.151
	Bán hàng	1.463.181.319	1.910.278.797
	Cung cấp dịch vụ	590.909	17.539.143
	Dịch vụ khác	-	11.766.001
	Phí khác	-	4.535.963
	Chí phí dịch vụ mua ngoài	-	757.068
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Mua dịch vụ	4.691.555.455	14.018.519
	Dịch vụ tư vấn	3.000.000.000	1.000.000.000
	Mua hàng	277.868.584	-
	Lãi cho vay	141.304.110	456.677.260
	Cung cấp dịch vụ	112.196.635	6.908.892
	Bán hàng	1.347.500	-
	Dịch vụ khác	-	82.929.788
	Phí môi giới	-	400.000.000
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Cung cấp dịch vụ	3.313.534.012	3.613.869.348
Công ty Cổ Phần Thành Thành Nam	Mua dịch vụ	1.935.398.189	1.840.446.527
	Cung cấp dịch vụ	-	59.662.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Mua dịch vụ	1.234.908.521	156.482.611
	Cung cấp dịch vụ	58.241.692	254.005.584
	Lãi vay	40.175.341	2.082.465.754
	Bán hàng	77.922	2.860.137
	Lãi cho vay	-	1.239.808.221
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Lãi cho vay	388.739.728	-
	Cung cấp dịch vụ	181.000.000	-
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Cung cấp dịch vụ	38.316.365	8.010.285
	Lãi vay	-	1.187.628.766
	Dịch vụ khác	-	20.620.500
	Bán hàng	-	359.787
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Cung cấp dịch vụ	114.654.546	408.394.772
	Bán hàng	-	3.115.380
	Mua hàng	-	2.379.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Cung cấp dịch vụ	6.195.023.935	7.228.609.984
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Cung cấp dịch vụ	5.105.503.128	4.040.918.315
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Cung cấp dịch vụ	3.306.849.757	4.113.877.507
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Cung cấp dịch vụ	2.047.099.605	2.582.758.221
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Cung cấp dịch vụ	529.317.000	238.755.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cung cấp dịch vụ	87.082.030	57.456.000
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagoft Angkor	Cung cấp dịch vụ	60.596.075	50.516.075
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Cung cấp dịch vụ	54.300.000	-
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Cung cấp dịch vụ	15.968.000	-
Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng	Cung cấp dịch vụ	15.000.000	-
Công ty Cổ phần Du Lịch Thanh Bình	Cung cấp dịch vụ	-	2.399.678.433
		<u>17.416.739.530</u>	<u>20.712.569.535</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Mua dịch vụ	11.000.000.000	1.100.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Mua dịch vụ	6.640.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Mua dịch vụ	3.581.227.633	284.127.850
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Mua dịch vụ	2.468.268.856	68.806.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Mua dịch vụ	325.779.000	325.779.000
		<u>24.015.275.489</u>	<u>679.812.850</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)			
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Cho vay	23.220.000.000	37.820.000.000
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Cho vay	12.500.000.000	12.500.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Cho vay	-	5.900.000.000
		35.720.000.000	56.220.000.000

(*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 được trình bày như sau:

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm.
	VND			
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	23.220.000.000	Từ ngày 27 tháng 7 năm 2023 đến ngày 26 tháng 4 năm 2024		Từ 10,8 đến 12,0
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	12.500.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		11
TỔNG CỘNG	35.720.000.000			

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu về cho vay dài hạn (**)			
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Cho vay	42.000.000.000	42.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Cho vay	900.000.000	24.300.000.000
		42.900.000.000	66.300.000.000

(**) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay dài hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 được trình bày như sau:

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
	VND			
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	42.000.000.000	Ngày 9 tháng 1 năm 2025		12
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	900.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2024		12
TỔNG CỘNG	42.900.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Đặt cọc	57.500.500.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Lãi cho vay	926.342.469	-
	Góp vốn hợp tác kinh doanh	16.780.000.000	-
	Thu nhập hợp tác kinh doanh	7.329.385.748	5.523.923.534
	Lãi cho vay	2.683.011.285	1.593.206.835
	Chi hộ	2.381.924.500	166.018.000
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Cổ tức phải thu	5.600.000.000	5.600.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Đặt cọc	198.321.600	396.643.200
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Chi hộ	2.989.611.627	147.669.640
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Lãi cho vay	-	158.196.713
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Chi hộ	254.663.212	412.957.472
	Chi hộ	5.240.000	-
	Lãi cho vay	821.921	821.921
		96.649.822.362	13.999.437.315
Phải thu dài hạn khác			
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Góp vốn hợp tác kinh doanh	34.750.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Mua dịch vụ	8.060.179.743	5.514.016.189
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Mua dịch vụ	3.681.873.610	5.444.813.860
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Mua dịch vụ	2.150.557.000	407.403.000
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Mua dịch vụ	1.156.705.159	1.242.848.393
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Mua dịch vụ	128.409.540	1.317.677.328
		15.177.725.052	13.926.758.770
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Cung cấp dịch vụ	20.790.552.000	31.833.000.000
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa	Cung cấp dịch vụ	9.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Cung cấp dịch vụ	2.503.794.000	3.794.000
Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng	Cung cấp dịch vụ	1.736.000.000	1.736.000.000
		34.030.346.000	33.572.794.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Lãi vay	2.785.180.822	2.779.263.014
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Lãi vay	2.340.586.299	2.304.356.163
Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng	Lãi vay	1.738.847.942	1.988.547.943
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Lãi vay	1.086.712.208	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Lãi vay	237.797.260	237.797.260
		8.189.124.531	7.309.964.380
Vay ngắn hạn (*)			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Vay	3.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Vay	1.000.000.000	-
		4.400.000.000	-

(*) Chi tiết các vay ngắn hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		%/năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	3.400.000.000	Ngày 5 tháng 6 năm 2024	12,0
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	1.000.000.000	Ngày 21 tháng 6 năm 2024	12,0
TỔNG CỘNG	4.400.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch HĐQT	971.185.412	884.900.000
Bà Châu Thị Kim Phước	Tổng Giám đốc từ ngày 28 tháng 7 năm 2023	838.745.046	-
Ông Đặng Đình Việt	Tổng Giám đốc đến ngày 6 tháng 2 năm 2023	307.486.567	685.378.000
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Vũ Viết Bản	Thành viên HĐQT	96.000.000	64.000.000
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 26 tháng 4 năm 2022	96.000.000	32.000.000
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên HĐQT đến ngày 26 tháng 4 năm 2022	-	96.000.000
TỔNG CỘNG		2.501.417.025	1.954.278.000

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dưới 1 năm	16.970.552.590	19.015.896.850
Từ 1 – 5 năm	66.543.877.025	66.257.019.414
Trên 5 năm	492.187.561.493	480.980.820.302
TỔNG CỘNG	<u>575.701.991.108</u>	<u>566.253.736.566</u>

Cam kết cho thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dưới 1 năm	150.000.000	172.000.000
Từ 1 – 5 năm	1.101.810.000	1.101.810.000
TỔNG CỘNG	<u>1.251.810.000</u>	<u>1.273.810.000</u>

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có khoản cam 48.805.230.723 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 270.589.034.105 VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng các công trình phục vụ hoạt động của Nhóm Công ty.

Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có khoản cam kết với số tiền 97.639.000.000 VND liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào công ty con.

35. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngoại tệ các loại USD	79,648.26	79.347,66


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ


Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập



Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng



Châu Thị Kim Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2023 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn